TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 342/2023/DS-PT
Ngày: 07 - 7 - 2023
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy GCNQSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mai;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2022/TLPT-DS, ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy GCNQSD đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 7322/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Lê Công K, sinh năm 1963;

Trú Tại: Thôn P, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng, có mặt.

* *Bị đơn:* Ông Lê Công K1, sinh năm 1966;

Trú Tại: Thôn P, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông K1*:* Ông Trầng Công H, Luật sư Công ty L và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị N, không có địa chỉ, vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1972;

Trú Tại: Thôn P, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) huyện V, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, chức vụ: Trưởng phòng, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người kháng cáo:* Ông Lê Công K1, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Lê Công K *trình bày:*

Bố, mẹ ông là cụ Lê Công K2 và cụ Nguyễn Thị T1. Cụ K2 và cụ T1 đều chết năm 1979 không để lại di chúc. Hai cụ sinh được 03 người con gồm: Bà Lê Thị N, sinh năm 1959 hiện sống ở Trung Quốc không có địa chỉ, ông Lê Công K sinh năm 1963, ông Lê Công K1 sinh năm 1966; hai cụ không có con riêng, không có con nuôi. Tài sản hai cụ để lại gồm 450 m^2 đất thổ cư gồm: 200 m^2 đất ở và 250 m^2 đất vườn tại thửa 289, tờ bản đồ số 4 thôn P, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng. Năm 1997 ông K1 tự ý làm thủ tục để UBND huyện V cấp giấy chứng nhận mang tên ông Lê Công K1 mà không được sự đồng ý của ông Lê Công K và bà Lê Thị N. Trên đất có nhà tre của bố mẹ nhưng sau này ông Lê Công K1 phá dỡ không còn. Nay ông Lê Công K yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 455089 do UBND huyện V đã cấp ngày 01/10/1997 mang tên Lê Công K1; đồng thời chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 450 m^2 đất cho 3 người con cụ K2 cụ T1. Do bà Lê Thị N không có mặt ở địa phương và không biết địa chỉ ở đâu, nên ông Lê Công K xin quản lý suất thừa kế của bà Lê Thị N, khi nào bà N về thì ông K giao lại cho bà N.

Bị đơn ông Lê Công K1 *trình bày:*

Nhất trí với nguyên đơn về quan hệ huyết thống, thời gian cụ Lê Công K2, cụ Nguyễn Thị T1 chết, về nguồn gốc tài sản; các cụ chết không để lại di chúc để phân chia di sản, nhưng ông Lê Công K1 là người ở cùng bố mẹ từ trước đến khi bố mẹ mất, cũng như sau khi bố mẹ mất ông vẫn ở trên đất này cho đến nay. Năm 1997 ông làm thủ tục và được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông K1. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu của ông Lê Công K về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông và không đồng ý chia thừa kế.

Người có quyền có nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T *trình bày:*

Bà là vợ ông Lê Công K1. Bà nhất trí với lời trình bày và quan điểm của ông Lê Công K1 không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện V *trình bày:*

Theo Sổ mục kê, Bản đồ giải thửa của xã H năm 1993, diện tích đất của ông Lê Công K1 được thể hiện tại thửa 289, tờ bản đồ số 04, diện tích 450m^2 ghi đất thổ cư. Căn cứ tài liệu trên, năm 1997 UBND xã H lập trích đo, tờ trình và danh sách đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ hồ sơ đề nghị của UBND xã H, ngày 01/10/1997, UBND huyện V đã cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cho ông Lê Công K1. Ông Lê Công K1 sử dụng ổn định từ thời điểm đo đạc lập bản đồ giải thửa năm 1993 đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện. Căn cứ điểm d khoản 2, Điều 106 Luật Đất đai 2013; điểm c khoản 4, Điều 87, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi bổ sung tại khoản 26, Điều 1, Nghị định 148/2020/NĐ-CP, ngày 18/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều nghị định quy định chi tiết Luật Đất đai thì việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện V cấp cho ông Lê Công K1 là không có cơ sở để giải quyết.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DS-ST, ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 149, các Điều 611, 612, 613, 618, 623, điểm a khoản 1 Điều 650, 651 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 184, Điều 147, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K455089 ngày 01-10-1997 của UBND huyện V đã cấp cho ông Lê Công K1.

Chia thừa kế tài sản của cụ Lê Công K2, cụ Nguyễn Thị T1 theo pháp luật cho bà Lê Thị N, ông Lê Công K, ông Lê Công K1. Cụ thể như sau:

Giao cho ông Lê Công K được nhận sở hữu, sử dụng 50 m^2 đất ở, 62,5 m^2 đất vườn ở thửa 289 tờ bản đồ 04, thôn P, xã H, huyện V trị giá 562.500.000 đồng, 01 bức tường bao trị giá 12.000.000 đồng. Ông Lê Công K có trách nhiệm trả cho ông Lê Công K1, bà Phạm Thị T trị giá bức tường bao là 12.000.000 đồng.

Giao cho vợ chồng ông Lê Công K1 được sử dụng 100 m^2 đất ở 125 m^2 đất vườn tại thửa 289 tờ bản đồ 04, thôn P, xã H trị giá 1.125.000.000 đồng (ông K1 1 suất thừa kế + ông K1, bà T 1 suất hưởng thừa kế về công sức). Trên đất có các công trình nhà ở của ông Lê Công K1, bà Phạm Thị T. Ông K1, bà T được nhận tiền trị giá bức tường do ông K trả là 12.000.000 đồng.

Giao cho ông Lê Công K1 được nhận 50 m^2 đất ở, 62,5 m^2 đất vườn tại thửa 289 tờ bản đồ 04, thôn P, xã H, huyện V trị giá 562.500.000 đồng là kỷ phần thừa kế của bà Lê Thị N. Khi nào bà N về thì ông K1 có trách nhiệm trao lại cho bà Lê Thị N (Có sơ đồ kèm theo)

Ngoài ra, bản án còn quyết định lãi suất chậm thi hành án; nghĩa vụ chịu án phí; tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2022 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được các đơn kháng cáo của bị đơn là ông Lê Công K1 với nội dung

kháng cáo toàn bộ bản án. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K1 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các đương sự trình bày:

- Ông Lê Công K1 trình bày: Cơ bản giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại cấp sơ thẩm; ông thừa nhận thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc do bố, mẹ ông để lại và gia đình ông sinh sống trên mãnh đất này đã 40 năm không có tranh chấp, không vi phạm pháp luật về đất đai, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không liên quan gì đến bố mẹ ông là cụ Lê Công K2 và cụ Nguyễn Thị T1, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại chia thừa kế là không đúng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của gia đình ông. Hơn nữa, trên đất có nhiều tài sản của gia đình ông, nhưng do quá trình giải quyết vụ án ông không am hiểu pháp luật, nên đã cản trở việc thẩm định, định giá tài sản dẫn đến không thể xác định được tài sản gì trên đất, nên bản án sơ thẩm không xem xét là ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông. Do đó, ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bác đơn khởi kiện của ông K.

- Ông Lê Công K trình bày: Cơ bản giữ nguyên ý kiến đã trình bày như tại cấp sơ thẩm, bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định của pháp luật nên đã không kháng cáo; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Lê Công K1 *trình bày:*

Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ không đầy đủ, cụ thể chưa thu thập về hồ sơ của người quản lý, sử dụng đất; cụ K2 và cụ T1 không có tên trong hồ sơ địa chính, nên không có thông tin về thời điểm các cụ sử dụng đất; đến năm 1979 hai cụ mất, diện tích đất này ông Lê Công K1 trực tiếp quản lý và đã có tên trong hồ sơ địa chính đến năm 1997 được cấp GCNQSD đất; trong trường hợp này cần phải xác định thuộc trường hợp Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Hơn nữa gia đình ông K1 đã quản lý, sử dụng trên 40 năm không có tranh chấp, không vi phạm về quản lý, sử dụng đất; các đương sự khác biết được nhưng không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cung cấp thông tin của bà Lê Thị N, Tòa án cấp sơ thẩm đã không tiến hành thu thập thông tin của bà N, dẫn đến giải quyết thiếu khách quan.

Việc phân chia thừa kế quyền sử dụng đất nhưng Tòa án không tiến hành đo đạc, kiểm đếm thực tế dẫn đến không đảm bảo việc thi hành án; thực tế trên diện tích chia cho bà N đang tồn tại nhiều cây ăn quả, câu lâu năm và hoa màu do phía bị đơn trực tiếp trồng, nhưng không được định giá để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Việc định giá của Hội đồng định giá không đảm bảo, nhưng bản án sơ thẩm vẫn căn cứ kết quả định giá đất là 5.000.000đ/m^2; bức tường 12.000.000đ là thiếu căn cứ; cấp sơ thẩm không ra quyết định thành lập hội đồng định giá theo đúng quy định; thành phần định giá không đúng thành phần; việc định giá không được lập thành văn bản.

Theo GCNQSD đất mà UBND huyện V cấp cho ông Lê Công K1 thể hiện có 200m^2 đất ở và 250m^2 đất vườn, nhưng kết quả định giá xác định giá đất chung là 5.000.000/m^2 là không đúng. Hơn nữa 200m^2 đất ở đã được ông K1 xây dựng nhà và các công trình phụ hết nhưng bản án sơ thẩm vẫn chia đất ở cho các đương sự khác là thiếu căn cứ.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên đã quyết định đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông K1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện là chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy GCNQSD đất; đây là vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Mặc dù các đương sự đều thừa nhận cụ Lê Công K2 và cụ Nguyễn Thị T1 đều chết năm 1979. Căn cứ Điều 688, Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu mở thừa kế đối với bất động sản là 30 năm, ngày 11/5/2021 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được đơn khởi kiện của ông Lê Công K là đã quá thời hạn 30 năm, nhưng các đương sự không có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, nên Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng thời hiệu khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự. Ngoài yêu cầu chia di sản thừa kế đương sự còn đề nghị xem xét đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND cấp huyện đã cấp cho các đương sự trong vụ án; đây là quyết định hành chính cá biệt của UBND cấp huyện trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 32 Luật Tố tụng hành chính và khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, các ông Lê Công K và ông Lê Công K1 thừa nhận cụ Lê Công K2 và cụ Nguyễn Thị T1 còn có một

người con là bà Lê Thị N, nhưng bà N đã đi khỏi địa phương từ lâu không ai biết được địa chỉ cụ thể, chỉ có thông tin là ở Trung Quốc; Tòa án cấp sơ thẩm đã có văn bản yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin về việc có hay không bà N xuất cảnh sang nước ngoài, nhưng Cục Q, Bộ C trả lời là không xác định được hiện bà N ở nước nào, địa chỉ cụ thể của bà N do không có thông tin xuất, nhập cảnh, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định không tìm đươc địa chỉ của bà N và tiến hành giải quyết vụ án là đúng quy định; tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm một số đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ thể hiện, thửa đất đang có tranh chấp là thửa đất số 289, tờ bản đồ số 4 thuộc thôn P, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng có diện tích là 450m^2; hồ sơ quản lý đất đai từ năm 1993 thể hiện chủ sử dụng là ông Lê Công K1, đến năm 1997 UBND huyện V đã cấp giấy chứng nhận cho ông Lê Công K1. Tuy nhiên, các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất là của cụ Lê Công K2 và cụ Nguyễn Thị T1 để lại; sau khi hai cụ chết thì vợ chồng ông K1 tiếp tục sử dụng cho đến nay. Ông Lê Công K1 cho rằng ông đã ở cùng hai cụ cũng như sau khi hai cụ chết thì ông tiếp tục sử dụng diện tích đất này, và đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên thuộc quyền sử dụng của ông; nhưng ngoài lời trình bày của ông thì không có căn cứ gì chứng minh ông đã được cụ K2, cụ T1 tặng cho đối với thửa đất này, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng không có tài liệu nào thể hiện việc hai cụ đã tặng cho ông. Do đó, chỉ có đủ căn cứ xác định diện tích 450m^2 tại thửa đất số 289, tờ bản đồ số 4, thôn P, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng là di sản thừa kế của cụ Lê Công K2 và cụ Nguyễn Thị T1 để lại; các cụ chết không để lại di chúc, nên ông Lê Công K khởi kiện yêu cầu chia di sản của bố mẹ để lại theo pháp luật là có căn cứ.

[4] Về xác định diện và hàng thừa kết của cụ K2, cụ T1: Các đương sự đều thống nhất hai cụ có 03 người con là bà Lê Thị N, ông Lê Công K và ông Lê Công K1, các cụ không có con riêng, con nuôi; tại thời điểm hai cụ chết thì các con của hai cụ đang còn sống, nên 03 người con của cụ K2, cụ T1 thuộc hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ; theo quy định của pháp luật thì những người thuộc hàng thừa kế được hưởng kỷ phần di sản thừa kế ngang nhau, cấp sơ thẩm xác định ba kỷ phần thừa kế là đúng quy định. Tuy nhiên, sau khi hai cụ chết thì vợ chồng ông Lê Công K1 trực tiếp sinh sống, quản lý đối với diện tích đất này, đã có công duy tu, bảo dưỡng khối di sản trên 40 năm; nên Tòa án cấp sơ thẩm đã trích trả công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế cho vợ chồng ông Lê Công K1 bằng 01 suất hưởng thừa kế là có căn cứ, phù hợp với Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, di sản thừa kế của cụ K2, cụ T1 được xác định là bốn kỷ phần.

[5] Về phương pháp chia di sản thừa kế: Ông K, ông K1 đều có nhu cầu được chia bằng hiện vật, diện tích đất là di sản thừa kế là 450m^2 đủ điều kiện để

chia bằng hiện vật; trên đất được xác định là có tài sản như nhà và các công trình phụ trợ do vợ chồng ông K1 xây dựng, hiện đang sử dụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia di sản thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất, đồng thời chia cho ông K1 phần đất có nhà và các công trình của vợ chồng ông là có căn cứ, không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng của vợ chồng ông. Đối với kỷ phần của bà Lê Thị N, theo các đương sự thì bà N nhập cảnh Trung Quốc theo dạng đi tự do từ năm 2001 hiện còn sống, ông Lê Công K, ông Lê Công K1 và chính quyền địa phương đều không biết bà Lê Thị N ở đâu. Căn cứ Án lệ số 06/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì suất thừa kế của bà Lê Thị N giao cho người thừa kế khác quản lý. Ông Lê Công K1 là người đang quản lý toàn bộ diện tích đất nên cần thiết tiếp tục giao cho ông Lê Công K1 quản lý suất thừa kế của bà Lê Thị N, khi nào bà N về thì ông K1 có trách nhiệm giao lại cho bà N là phù hợp.

[6] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thành lập hội đồng định giá để tiến hành thẩm định, định giá đối với tài sản đang có tranh chấp nhưng phía ông K1 không hợp tác, cản trở việc thẩm định, định giá nên không tiến hành được, từ đó dẫn đến việc không xác định được cụ thể những tài sản trên diện tích đất chia cho ông K có những tài sản gì; tại phiên tòa phúc thẩm ông K1 thừa nhận đã cản trở việc thẩm định, định giá; tại cấp phúc thẩm cũng không có đương sự nào yêu cầu thẩm định, định giá đối với tài sản đang tranh chấp. Do đó, phía ông K1 phải chịu hậu quả đối với việc không thẩm định, định giá được, nhưng phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản (nếu có) trên diện tích đất được giao cho ông K, để giao đất cho ông K mà không được bồi thường, nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án để tuyên rõ nội dung này trong bản án.

[7] Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện V cấp cho ông Lê Công K1, thấy: Như đã phân tích ở trên thì thửa đất số 289, tờ bản đồ số 4 là di sản thừa kế của cụ K2, cụ T1 để lại chưa được tặng cho, thừa kế cho ai, nhưng khi UBND xã H đo đạc lập hồ sơ đề nghị UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Công K1 không được sự đồng ý của các con của cụ K2, cụ T1 là vi phạm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp không đúng đối tượng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của các con của hai cụ. Hơn nữa, do đây là di sản thừa kế được chia theo quy định của pháp luật cho các đồng thừa kế bằng hiện vật, nên cần hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 455089 ngày 01-10-1997 của UBND huyện V đã cấp cho ông Lê Công K1 để cấp lại theo quyết định của bản án. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm đã không thể hiện các đương sự có quyền kê khai, đăng ký để đề nghị cấp có thẩm quyền cấp GCNQSD đất theo quy định của pháp luật là chưa đầy đủ, nên cấp phúc thẩm sửa nội dung này.

Tổng hợp các phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã xem xét đảm bảo được các quyền lợi hợp pháp của các đương sự; tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông K1; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo là có căn cứ.

[8] Giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông K1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Lê Công K1; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Cụ thể:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 184, Điều 147, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 149, các Điều 611, 612, 613, 618, 623, điểm a khoản 1 Điều 650, 651 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 6,Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công K:

1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K455089 ngày 01-10-1997 của UBND huyện V đã cấp cho ông Lê Công K1 đối với thửa đất số 289 tờ bản đồ số 4 thuộc thôn P, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng.

2. Chia thừa kế tài sản của cụ Lê Công K2, cụ Nguyễn Thị T1 theo pháp luật cho bà Lê Thị N, ông Lê Công K, ông Lê Công K1. Cụ thể như sau:

2.1. Giao cho ông Lê Công K được quyền sử dụng diện tích 112,5m^2 đất (trong đó có 50 m^2 đất ở, 62,5 m^2 đất vườn) thuộc thửa 289 tờ bản đồ 04, thôn P, xã H, huyện V trị giá 562.500.000 đồng, 01 bức tường bao trị giá 12.000.000 đồng. Ông Lê Công K có trách nhiệm trả cho ông Lê Công K1, bà Phạm Thị T trị giá bức tường bao là 12.000.000 đồng.

2.2. Giao cho vợ chồng ông Lê Công K1 được quyền sử dụng diện tích 225m^2 (trong đó có 100 m^2 đất ở 125 m^2 đất vườn) tại thửa 289 tờ bản đồ 04, thôn P, xã H trị giá 1.125.000.000 đồng (ông K1 1 suất thừa kế + ông K1, bà tiến 1 suất hưởng thừa kế về công sức). Trên đất có các công trình nhà ở của ông Lê Công K1, bà Phạm Thị T. Ông K1, bà T được nhận tiền trị giá bức tường do ông K trả là 12.000.000 đồng.

2.3. Tạm giao cho ông Lê Công K1 được sử dụng diện tích 112,5m^2 đất (trong đó có 50 m^2 đất ở, 62,5 m^2 đất vườn) tại thửa 289 tờ bản đồ 04, thôn P, xã H, huyện V trị giá 562.500.000 đồng là kỷ phần thừa kế của bà Lê Thị N. Khi nào bà N về thì ông K1 có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị N.

(các thửa đất được chia có sơ đồ chi tiết kèm theo bản án).

3. Buộc gia đình ông Lê Công K1, bà B Phạm Thị T phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản có trên diện tích đất được chia cho ông Lê Công K để bàn giao đất cho ông Lê Công K mà không được bồi thường.

4. Các đương sự có quyền kê khai, đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đề nghị cấp GCNQSD đất theo đúng quy định của pháp luật.

5. Giữ nguyên các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Về án phí: Ông Lê Công K1 phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng ông đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0000743, ngày 11/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; xác nhận ông K1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cục THA dân sự thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm